CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Áp dụng từ khóa 2018)

Tên ngành: QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN

TT	Mã học phần	Tên môn học, học phần	Số tín chỉ	Thời gian (tiết)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	TH/ thực tập/ BT/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
Học kỳ 1: 14 Tín chỉ (không tính học phần GDQP-AN)							
Học phần bắt buộc			**14**				
1	226020	Pháp luật đại cương	2				
2	229100	Tin học	2				
3	224003/ 200001	Anh văn 1/Tiếng Nhật 1	3				
4	226026	Quản trị học	2				
5	226159	Marketing dịch vụ	2				
6	226176	Tổng quan kinh doanh NH-KS	3				
7	234012	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	5				
Học kỳ 2: 18 Tín chỉ (không tính học phần GDTC)							
Học phần bắt buộc			**16**				
8	224004/ 200002	Anh văn 2/Tiếng Nhật 2	3				
9	225066	Kế toán nhà hàng - khách sạn	2				
10	226119	Pháp luật du lịch	2				
11	226192	Tin học ứng dụng trong NH-KS	2				
12	226118	Văn hóa ẩm thực	2				
13	226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2				
14	223006	Chính trị 1	3				
Học phần Giáo dục thể chất tự chọn 2			**2**				
16.1	234002	Bóng chuyền 1	2				
16.2	234006	Bóng đá 1	2				
16.3	234007	Bóng rổ 1	2				
16.4	234008	Cầu lông 1	2				
16.5	234009	Aerobic 1	2				

Học phần tự chọn			**2**				
17.1	222017	Tiếng Việt thực hành B	2				
17.2	226036	Tâm lý học đại cương	2				
17.3	226017	Môi trường và con người	2				
Học kỳ 3: 17 Tín chỉ (không tính học phần GDTC)							
Học phần bắt buộc			**13**				
18	224016/ 200003	Anh văn 3/ Tiếng Nhật 3	3				
19	223007	Chính trị 2	3				
20	226146	Kỹ thuật nghiệp vụ lễ tân	3				
21	226166	Quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật NH-KS	2				
22	226164	Quản trị tài chính NH-KS	2				
Học phần Giáo dục thể chất tự chọn			**2**				
24.1	234003	Bóng chuyền 2	2				
24.2	234010	Bóng đá 2	2				
24.3	234011	Bóng rổ 2	2				
24.4	234013	Cầu lông 2	2				
24.5	234014	Aerobic 2	2				
Học phần tự chọn (Sinh viên được chọn tối thiểu 2TC/các học phần sau)			**2**				
25.1	226035	Soạn thảo văn bản	2				
25.2	222024	Xác suất thống kê	2				
Học phần tự chọn			**2**				
26.1	226028	Quản trị marketing	2				
26.2	226034	Quản trị thương hiệu	2				
26.3	226022	Quản trị chất lượng	2				
Học kỳ 4: 15 Tín chỉ (không tính học phần kỹ năng mềm)							
Học phần bắt buộc			**13**				
27	226144/ 200005	Tiếng anh chuyên ngành khách sạn/Tiếng Nhật 4	3				
28	226147	Kỹ thuật nghiệp vụ buồng	3				
29	226183	Kỹ thuật phục vụ bàn và pha chế đồ uống	3				
30	226162	Quản trị ẩm thực	2				
31	226187	Tâm lý du khách	2				
32	222035	Kỹ năng mềm	2				
Học phần tự chọn			**2**				
33.1	226041	Tâm lý kinh doanh	2				
33.2	226031	Quản trị rủi ro	2				
33.3	226101	Đàm phán trong kinh doanh	2				

Học kỳ 5: 11 Tín chỉ							
Học phần bắt buộc			**11**				
34	226191	Quản trị kinh doanh khách sạn	3				
35	226169	Quản trị tổ chức sự kiện	3				
36	226152	Thực tập tốt nghiệp	**5**				
Học kỳ 6: 5 Tín chỉ							
37	226150	Khóa luận tốt nghiệp	5				
Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp							
38	226193	Quản trị nhân sự du lịch nhà hàng khách sạn	2				
39	226190	Quản trị bán hàng và chăm sóc khách hàng	3				